TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
Số 84 (08/2022)

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 84 (08/2022)

ISSN 1859 - 3208

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM

The role of the marine environment for Vietnam's marine economic development

Nguyễn Thị Mười

Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Để thực hiện được mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, phát triển bền vững, thịnh vượng thì một trong những nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra đầu tiên là chúng ta phải hiểu về biển, những giá trị tiềm năng mà biển mang lại, đồng thời phải biết bảo tồn, gìn giữ môi trường biển, đó là phương pháp tốt nhất để phát triển bền vững kinh tế biển.

Từ khóa: *bền vững, kinh tế biển, môi trường biển, phát triển*

ABSTRACT

Vietnam's seas and islands are a part of the sacred territory of the Fatherland, holding a particularly important position in the cause of national construction, development and defense. In order to achieve the goal of turning Vietnam into a strong country in the sea, with sustainable development and prosperity, one of the first tasks and requirements is that we must understand the sea and its potential values that the sea brings, and at the same time must know how to preserve the marine environment, which is the best method for sustainable development of the marine economy.

Keywords: *sustainability, marine economy, marine environment, development*

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, biển đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa của các quốc gia có biển. Bảo vệ biển cũng là bảo vệ lợi ích quốc gia. Từ đầu thế kỷ XX nhiều tổ chức phi chính phủ bảo vệ môi trường đã được thành lập ở một số nước công nghiệp tiên tiến với các yêu cầu giữ gìn môi trường trong sạch, không hủy hoại sinh thái và thiên nhiên. Tuy nhiên, những "cơn lốc" của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ nối tiếp diễn ra như: cơ khí, điện tử, sinh học, thông tin… đã làm thay đổi cơ bản cuộc sống của con người ngày càng hiện đại và thuận tiện hơn, nhưng đồng thời lại đặt ra cho nhân loại bài toán về sự mất cân bằng sinh thái trong thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, môi sinh của trái đất. Mâu thuẫn gay gắt giữa phát triển công nghiệp và việc bảo vệ môi trường đòi hỏi mỗi quốc gia cần phải tìm ra những giải pháp phù hợp. Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường biển ngày càng nghiêm trọng do hậu quả của sức ép dân số, tăng trưởng kinh tế, khả năng quản lý và khai thác chưa hiệu quả các nguồn tài nguyên biển. Bài viết phân tích những giá trị mà môi trường

Email: ntmuoi1905@sgu.edu.vn

biển mang lại cho sự phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực để bảo vệ, giữ vững môi trường biển.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của môi trường biển đối với sự phát triển của Việt Nam

Môi trường biển là các yếu tố vật lý, hóa học và sinh học đặc trưng cho nước, đất ven biển, trầm tích dưới biển, không khí trên mặt biển và các hệ sinh thái biển một cách khách quan, ảnh hưởng đến con người và sinh vật (Văn bản Trung ương tỉnh Cà Mau , 05/11/2015). Như vậy, môi trường biển là bao gồm tất cả các yếu tố có ảnh hưởng đến đời sống con người và sinh vật ở vùng biển bao quanh những khu vực dân cư sinh sống. Ô nhiễm môi trường biển là việc con người trực tiếp hoặc gián tiếp đưa các chất liệu hoặc năng lượng vào môi trường biển, bao gồm cả các cửa sông, khi việc đó gây ra hoặc có thể gây ra những tác hại như gây tổn hại đến nguồn lợi sinh vật, đến hệ động vật và hệ thực vật biển, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, gây trở ngại cho các hoạt động ở biển, kể cả việc đánh bắt hải sản và các việc sử dụng biển một cách hợp pháp khác, làm biến đổi chất lượng nước biển về phương diện sử dụng nó và làm giảm sút các giá trị mỹ cảm của biển (Văn bản Trung ương tỉnh Cà Mau, 05/11/2015).

Việt Nam có lợi thế về giao thông đường biển, khi gần các tuyến đường hàng hải quốc tế và khu vực. Vùng biển Việt Nam nằm tại khu vực có tốc độ phát triển kinh tế cao và là cầu nối giữa nhiều cường quốc kinh tế và chính trị trên thế giới. Đây là những điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển ngành hàng hải, công nghiệp tàu thủy và logistics, nhất là khi có tới 114 cửa sông, 52 vịnh nước sâu ven bờ miền Trung (vũng, vịnh, đầm phá chiếm 60% chiều dài đường bờ biển), hơn 100 vị trí có thể xây dựng các cảng biển lớn (Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Hồng Hạnh, 6/11/2021, trang 2). Mặt khác, vùng biển Việt Nam có vị trí thuận tiện cho giao thông và các vũng, vịnh kín có độ sâu lớn, không gian rộng lớn ở ven biển và trên bờ biển rất thuận lợi làm cảng biển và phát triển các khu kinh tế ven biển.

Bên cạnh đó, vùng biển Việt Nam có khoảng 35 loại khoáng sản với trữ lượng khai thác khác nhau từ nhỏ đến lớn, thuộc các nhóm: nhiên liệu, kim loại, vật liệu xây dựng, đá quý và bán quý, khoáng sản lỏng. Một số mỏ cát vật liệu xây dựng dưới đáy biển ở Quảng Ninh và Hải Phòng với trữ lượng trên 100 tỷ tấn và một dãy cát thạch anh ngầm dưới đáy biển Quảng Ninh (gần 9 tỷ tấn) (Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Hồng Hạnh, 6/11/2021, trang 3). Bên cạnh đó, tiềm năng tài nguyên nước biển cũng rất lớn, với các dạng năng lượng biển, như: băng cháy, năng lượng thủy triều, năng lượng sóng, năng lượng hạt nhân nước nặng từ nước biển.

Ngoài ra, nguồn lợi hải sản vùng biển nước ta có độ phong phú cao. Ngoài cá biển là nguồn lợi chính còn có nhiều đặc sản khác có giá trị kinh tế như: tôm, cua, mực, hải sâm, rong biển… Chỉ tính riêng cá biển, có hơn 2.000 loài khác nhau đã được phát hiện, trong đó khoảng 100 loài có giá trị kinh tế; có 15 bãi cá lớn, phân bố chủ yếu ở vùng ven bờ. Trữ lượng cá ở vùng biển nước ta khoảng 5 triệu tấn/năm, lượng cá có thể đánh bắt hằng năm khoảng 2,3 triệu tấn (Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Hồng Hạnh, 6/11/2021, trang 3). Như vậy, giá trị của môi trường biển của Việt Nam rất lớn. Nó là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, sản lượng thủy hải sản và cả hệ

thống giao thương bằng đường thủy cho Việt Nam. Do đó, việc bảo tồn, khai thác hiệu quả các giá trị môi trường biển của Việt Nam là rất cần thiết.

Trước những giá trị và vai trò của môi trường biển đối với sự phát triển kinh tế biển Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã đề ra những chủ trương, biện pháp quan trọng nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác biển và đạt được một số thành tựu quan trọng. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 *"Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020"*, trong đó nhấn mạnh *"Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương"*. Mục tiêu tổng quát của chiến lược là đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho đất nước giàu mạnh. Vì thế, việc đánh giá được thực trạng môi trường biển của Việt Nam là rất cần thiết.

2.2. Thực trạng môi trường biển Việt Nam

Vùng biển Việt Nam rộng khoảng 1 triệu km^2, bờ biển dài khoảng 3.260 km, là loại biển mở nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, là một trong những trục hàng hải nhộn nhịp, có lưu lượng tàu bè qua lại rất lớn, trong đó 70% là tàu chở dầu mỏ. Tuy chưa được xếp vào biển có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng như biển Baltic, biển Địa Trung Hải (Ngô Lực Tải, 2012, trang 232)…. nhưng cũng được cảnh báo là có nguy cơ ô nhiễm cao trong tương lai vì công nghiệp đang phát triển mạnh ở các vùng duyên hải và hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí của các nước trong khu vực ngày một tăng.

Theo đánh giá của các nhà khoa học Việt Nam thì chất lượng môi trường biển và vùng ven biển đang tiếp tục suy giảm. Môi trường nước ven bờ bị ô nhiễm do rác thải khó phân hủy như bao nhựa, polymer bị vứt xuống biển biến nhiều vùng nước sống thành vùng nước chết, hủy diệt sinh vật, đã có 70 loài hải sản phải đưa vào sách đỏ Việt Nam và 85 loài ở tình trạng nguy cấp với nhiều mức độ khác nhau, đặc biệt nghiêm trọng là hiện tượng "triều đỏ" xuất hiện vào năm 2002 và 2003 tại Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, vùng biển phía Nam Trung bộ đã gây thiệt hại lớn cho nghề nuôi trồng hải sản (Ngô Lực Tải, 2012, trang 218). Ít ai ngờ, mỗi ngày người Việt Nam xả ra khoảng 2.500 tấn rác nhựa ra môi trường bên ngoài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Theo dự đoán của các chuyên gia, con số này vẫn chưa dừng lại và còn gia tăng hơn gấp vài lần nếu như mỗi người dân không tự ý thức được hành động xả rác thải nhựa, túi nilon ra môi trường.

Mặt khác, từ tháng 12/2006 đến cuối tháng 4/2007, vùng biển Đông nước ta đã hứng chịu từ 21.620 - 51.500 tấn dầu trôi nổi gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường biển và các vùng duyên hải từ Bắc đến Nam. Thống kê cho biết, mới chỉ thu gom được 1.721 tấn trôi dạt vào bãi biển của 20 tỉnh thành, số còn lại bị khuyếch tán đi nhiều nơi, khó kiểm soát, gây ô nhiễm môi trường biển nặng nề (Ngô Lực Tải, 2012, trang 219). Sự cố tràn dầu gây ô nhiễm môi trường biển, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hệ sinh thái. Đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn, cỏ biển, vùng triều bãi cát, đầm phá và các rạn san hô. Ô nhiễm dầu làm giảm khả năng sức chống đỡ, tính linh hoạt và khả năng khôi phục của các hệ sinh thái. Hàm lượng dầu trong nước tăng cao,

các màng dầu làm ngăn sự trao đổi ôxy giữa không khí và nước, làm cán cân điều hòa oxy trong hệ sinh thái bị đảo lộn. Nhìn chung, môi trường biển Việt Nam đang đứng trước những nguy cơ và thách thức lớn. Ở góc độ toàn cầu đó là sự thay đổi khí hậu sẽ tác động đến nguồn lợi tài nguyên biển. Ở góc độ quốc gia, đó là khó khăn về kinh tế và chính sách sẽ ảnh hưởng đến khả năng giải quyết tai biến thiên nhiên và đầu tư phương tiện thiết bị phòng chống ô nhiễm môi trường cũng như nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ gìn giữ môi trường biển được bền vững.

Theo Nguyễn Chu Hồi - Chủ tịch Hội Thiên nhiên và Môi trường biển Việt Nam thì *"một trong những thách thức trong triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam hiện nay là thực trạng ô nhiễm rác thải trên các vùng biển Việt Nam"* (Nguyễn Chu Hồi, 2020, trang 223). Điều này đe dọa đến hệ sinh thái biển, nguồn lợi hải sản từ đó tác động đến sinh kế của hàng triệu ngư dân Việt Nam. Môi trường biển tiếp tục biến đổi theo chiều hướng xấu và ngày càng có nhiều chất thải không qua xử lý từ các lưu vực sông và vùng ven biển đổ ra biển. Hơn nữa, do đặc điểm biển Việt Nam có dòng hải lưu thay đổi theo mùa, là khu vực có lưu lượng tàu bè tấp nập vào bậc nhất thế giới, vì vậy vùng biển Việt Nam thường xuyên bị rác thải, ô nhiễm…Một số khu biển ven bờ và cửa sông bị ô nhiễm dầu, chất hữu cơ liên quan tới chất thải sinh hoạt, đặc biệt là tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa. Một số khu vực rừng ngập mặn tràn ngập túi rác thải nilon, đây là sức ép lớn lên môi trường, hệ sinh thái và tài nguyên biển.

Hiện nay, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của 28 tỉnh ven biển nước ta vào khoảng 14,03 triệu tấn/năm (khoảng 38.500 tấn/ngày). Bên cạnh đó là lượng chất thải rắn tại các tỉnh kinh tế trọng điểm ven biển đang có xu hướng tăng dần, đặc biệt là các chất thải nguy hại ngành công nghiệp nhẹ, hóa chất, luyện kim (Vietnamplus, 27/11/2019). Theo thống kê, trong 10 năm gần đây đã xảy ra trên 100 vụ tràn dầu do tai nạn tàu, dòng hải lưu di chuyển về phía bờ biển Việt Nam. Ngoài ra, ở vùng biển Việt Nam có khoảng 340 giếng khoan thăm dò và khai thác dầu khí, bên cạnh thải nước lẫn dầu với khối lượng lớn, hoạt động này còn phát sinh khoảng 5.600 tấn chất thải rắn, trong đó có 20-30% là chất thải rắn nguy hại còn chưa có bãi chứa và nơi xử lý (Vietnamplus, 27/11/2019). Mức độ ô nhiễm trên đã ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển, từ đó tác động đến sinh kế của người dân vùng biển. Cụ thể, diện tích rừng ngập mặn mất khoảng 15.000ha/năm, khoảng 80% rạn san hô trong vùng biển Việt Nam nằm trong tình trạng rủi ro, trong đó 50% ở mức cao, tình trạng trên cũng diễn ra tương tự với thảm cỏ biển và các hệ sinh thái biển, ven biển khác (Vietnamplus, 27/11/2019).

Hiện nay, mối đe dọa đối với nguồn lợi thủy sản, du lịch biển Việt Nam đang tăng lên cùng với sự gia tăng dân số và mở rộng các hoạt động kinh tế, khai thác biển. Phương thức đánh bắt hủy diệt, phát triển kinh tế và các ngành nghề một cách bất hợp lý... cùng với ý thức kém của con người đã làm suy giảm tính nguồn lợi thủy sản, du lịch biển...Đánh giá sơ bộ cho thấy, trong vòng 50 năm trở lại đây, Việt Nam đã mất tới 80% diện tích rừng ngập mặn (Văn bản Trung ương tỉnh Cà Mau, 05/11/2015). Tùy từng thời kỳ, diện tích này có phục hồi, song không nhiều và rừng ngập mặn vẫn luôn bị đe dọa, tiếp tục bị

thu hẹp. Như vậy, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường biển, điều này tác động mạnh mẽ đến hiệu quả kinh tế biển, làm giảm thiểu tài nguyên môi trường biển. Ngày nay chúng ta cần hạn chế, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường biển; bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển và ven biển, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

2.3. Những giải pháp bảo vệ vững chắc môi trường biển Việt Nam

Nhận thấy được vai trò, tầm quan trọng của biển đảo, đặc biệt là môi trường biển trong việc phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước đã ban hành Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020: "phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Mục tiêu này chỉ có thể đạt được kết quả khi chúng ta bảo vệ tốt môi trường biển.

Luật Bảo vệ môi trường số 53/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005 gồm 15 chương và 136 điều khoản. Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường. Chương VII, Mục 1 quy định về bảo vệ môi trường biển (từ điều 55 đến điều 58) với các nội dung: Nguyên tắc bảo vệ môi trường biển; Bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên biển; Kiểm soát xử lý ô nhiễm môi trường biển; Tổ chức phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường biển (Nguyễn Văn An, 29/11/2005).

+ Điểm 2 – Điều 38 Luật Bảo vệ môi trường qui định: *"Lực lượng cứu nạn, cứu hộ quốc gia, lực lượng cảnh sát biển phải được đào tạo, huấn luyện trang bị phương tiện, thiết bị bảo đảm ứng phó sự cố môi trường trên biển* (Nguyễn Văn An, 29/11/2005). Qui định này, nhằm đảm bảo 100% lực lượng cứu nạn, cứu hộ, cảnh sát biển phải được đào tạo, huấn luyện các trang thiết bị, phương tiện nhằm đảm bảo ứng phó kịp thời khi có sự cố môi trường biển, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lực lượng cứu bạn, cứu hộ, các lớp tập huấn được quan tâm, chú trọng và đầu tư phát triển.

+ Điểm 4 - Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường qui định: *"Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ven biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, cảnh báo, thông báo kịp thời về tai biến thiên nhiên, sự cố môi trường trên biển và tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả"* (Nguyễn Văn An, 29/11/2005). Như vậy, vai trò của từng cơ quan chức năng được quy định rõ ràng về vai trò, trách nhiệm đối với việc phát hiện, cảnh báo kịp thời đến người dân về thiên tai, các sự cố môi trường trên biển, và khi có sự cố xảy ra, các cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả.

Bên cạnh đó, Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13: là bộ luật chuyên ngành, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp lần thứ bảy thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/4/2006. Bộ luật có 18 chương với 261 điều khoản.

+ Mục 5 – Chương II, Luật hàng hải Việt Nam nói về "an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi

trường".

+ Điểm 5 - Điều 28 - Mục 3 Luật hàng hải Việt Nam qui định: *"Tàu biển chuyên dùng để vận chuyển dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu về ô nhiễm môi trường khi hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam"* (Nguyễn Sinh Hùng, 2015). Qui định này đưa ra nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm của người trực tiếp tham gia vận chuyển những hàng hóa, dầu mỏ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường biển giúp hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng và tác động xấu đến môi trường, hệ sinh thái biển. Không chỉ Việt Nam, các quốc gia trên thế giới đều có những qui định, luật pháp đối với việc bảo vệ môi trường biển, đảo: Công ước luật Biển năm 1982 được coi là Hiến pháp của thế giới về các vấn đề biển và đại dương. Công ước UNCLOS được thông qua vào ngày 10 tháng 12 năm 1982 tại Vịnh Montego, Jamaica và có hiệu lực vào ngày 16 tháng 11 năm 1994 gồm 17 phần, 320 điều, 9 phụ lục và 4 nghị quyết (Các quốc gia thành viên của Công ước, 10/12/1982). Đây là Công ước quốc tế chính liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường biển, quyền duy trì của các quốc gia ven biển quyền tài phán trong các lĩnh vực như hải quan, đánh bắt cá và tiếp cận khoáng sản và các tài nguyên khác trong lãnh hải và vùng nước tiếp giáp và các vùng đặc quyền kinh tế của họ và cũng như sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển khỏi bị ô nhiễm và sử dụng sai mục đích.

Tóm lại, trên bình diện quốc gia và thế giới đều có luật pháp qui định và thực hiện việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, chống ô nhiễm. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia trong ngành hàng hải và môi trường biển đều băn khoăn là luật pháp môi trường biển của nước ta hiện nay còn nhiều thiếu sót, chưa đầy đủ và hoàn chỉnh đúng với tiềm năng và vị thế của một quốc gia đang phát triển để trở thành một nước mạnh về biển trong khu vực, nhất là ở lĩnh vực giữ gìn và bảo vệ môi trường biển. Có thể, đây là vấn đề quan trọng cấp bách hàng đầu mà cơ quan chức năng cần xem xét và quan tâm hơn (Ngô Lực Tải, 2012, trang 224).

Để khai thác có hiệu quả biển Việt Nam theo Nghị quyết "Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020" của Trung ương, một mặt chúng ta cần tập trung đầu tư vật chất, nhân lực và công nghệ hiện đại cho các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc kinh tế biển, đồng thời cần phải nâng cao và tăng cường quản lý, bảo vệ giữ gìn môi trường biển tốt hơn, bền vững hơn. Bên cạnh đó, cần sử dụng hiệu quả tiềm năng biển phải đi cùng với việc tái tạo, vì trong quá trình sử dụng, khai thác không thể tránh khỏi ô nhiễm môi trường cũng như sự cố thiên nhiên. Dưới đây là một số giải pháp nhằm hạn chế và khắc phục ô nhiễm môi trường biển Việt Nam:

Tuyên truyền, giáo dục cho người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ và những cư dân ven biển về những giá trị của biển và tầm quan trọng của môi trường biển trong cuộc sống. Việc tuyên truyền, giáo dục cần được lồng ghép vào chương trình học tại các trường từ Mầm non đến các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh ven biển nói riêng và toàn quốc nói chung qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề về môi trường biển, đảo một cách thường xuyên và có đánh giá. Đồng thời, công tác truyền thông cần được đẩy mạnh và thay đổi, sáng tạo tiếp cận đến từng ngư dân theo nhiều phương thức khác nhau: truyền hình, báo chí, phim

truyện, điện ảnh nhằm nâng cao giá trị và vai trò của môi trường biển.

Đối với du lịch và dịch vụ biển: Chú trọng đầu tư hạ tầng du lịch; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại các vùng ven biển; xây dựng, phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền, kết nối với các tuyến du lịch quốc tế để Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của thế giới. Nghiên cứu thí điểm phát triển du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ. Tăng cường năng lực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; đẩy mạnh các hoạt động thám hiểm khoa học; chú trọng công tác giáo dục, y tế biển... Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề từ các hoạt động có nguy cơ xâm hại, tác động tiêu cực đến biển sang bảo vệ, bảo tồn, tạo sinh kế bền vững, việc làm mới ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân.

Đối với kinh tế hàng hải: Trọng tâm là khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải biển, nhằm giảm thiểu lượng xăng dầu tràn ra biển gây ô nhiễm môi trường biển và ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển. Quy hoạch, xây dựng, tổ chức khai thác đồng bộ, có hiệu quả các cảng biển tổng hợp, cảng trung chuyển quốc tế, cảng chuyên dùng gắn với các dịch vụ hỗ trợ; xây dựng hoàn thiện hạ tầng logistics và các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các vùng, miền, địa phương trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển đội tàu vận tải biển với cơ cấu hợp lý, ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.

Đối với khai thác dầu khí và các tài nguyên, khoáng sản biển khác: Nâng cao năng lực của ngành dầu khí và các ngành khai thác tài nguyên, khoáng sản biển khác; từng bước làm chủ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò trữ lượng dầu khí; nghiên cứu, thăm dò các bể trầm tích mới, các dạng hydrocarbon phi truyền thống; gắn việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí với điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên, khoáng sản biển khác, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược. Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu; kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

Đối với nuôi trồng và khai thác hải sản: Chuyển từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản theo hướng giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ và viễn dương phù hợp với từng vùng biển và khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân. Thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt. Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức tổ

hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xây dựng một số doanh nghiệp mạnh tham gia khai thác hải sản xa bờ và hợp tác khai thác viễn dương. Đầu tư nâng cấp các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Đối với công nghiệp ven biển: Phải dựa trên cơ sở quy hoạch, cân nhắc lợi thế về điều kiện tự nhiên của từng vùng, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn. Phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc hóa dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ. Điều này giúp Nhà nước giải quyết được bài toán rác thải kim loại, hạn chế tai nạn đắm tàu khiến môi trường biên bị ô nhiễm. Các vùng đất ven biển cũng được sử dụng hiệu quả, hạn chế các bãi rác thải công nghiệp giúp môi trường biển ngày một cải thiện.

Đối với năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác phù hợp. Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị; ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển, như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển…Điều này góp phần tái tạo và giữ vững tài nguyên biển, từ đó chúng ta có tầm nhìn lâu dài đối với việc sử dụng và khai thác tài nguyên biển.

3. Kết luận

Việt Nam là một quốc gia có đủ tiềm năng để trở thành một quốc gia mạnh về biển. Do đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chiến lược phát triển kinh tế biển, nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên biển. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng tự hào, tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn hạn chế, khó khăn và thách thức đặt ra, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường biển.

Ô nhiễm môi trường biển xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng ý thức của con người là điều quan trọng nhất. Chính vì vậy, giải pháp hiệu quả nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển là tuyên truyền, giáo dục cho người dân hiểu được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của môi trường biển trong cuộc sống, nâng cao nhận thức của con người đến môi trường biển. Cùng với đó, khi khoa học công nghệ phát triển, chúng ta cần ứng dụng vào trong việc khai thác tài nguyên biển khoa học, hiệu quả môi trường biển nhưng vẫn hạn chế những tác động xấu đến môi trường biển. Có như thế, Việt Nam mới phát huy được thế mạnh của biển và góp phần thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển một cách bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các quốc gia thành viên của Công ước (10/12/1982). *Công ước của Liên hợp quốc về luật biển.* Bản dịch tiếng Việt của Bộ Ngoại giao.

Ngô Lực Tải (2012). *Kinh tế biển Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập.* NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Chu Hồi (2020). *Kinh tế biển xanh: các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam.* NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Hồng Hạnh (6/11/2021). Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam dựa trên nền tảng kinh tế biển xanh. *Tạp chí Cộng sản*, 2.

Nguyễn Sinh Hùng (2015). *Bộ luật hàng hải Việt Nam, Luật số 95/2015/QH13.* Hà Nội: Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Nguyễn Văn An (29/11/2005). *Luật bảo vệ môi trường, Luật số 53/2005/QH11*. Hà Nội: Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Văn bản Trung ương tỉnh Cà Mau (05/11/2015). *Ô nhiễm môi trường biển, đảo* (Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau) Được truy lục từ https://www.camau.gov.vn/wps/portal/trangchitiet/!ut/p/z1/tVRLb8IwDP4r48CxivsuxxZNsCG6jW1Ac5nSNG2z0YRHCoNfv4B2YRqrJtQokmXn82c7joMwmiMsyJYXRHEpyELrCfbe3MfR3SDqQww9AHga21MzDkdwOwE0RRjhJeUZSlzTBI_51GAkcwwHAmb0UpoZZo86OaQBpSk7oqlQS1WihJKK1Auersl634WTJvMNV6wLB

Vietnamplus (27/11/2019). *Môi trường biển Việt Nam – Thách thức và giải pháp*. Được truy lục từ Vietnamplus: https://special.vietnamplus.vn/2019/11/27/moi-truong-bien-viet-nam/

Ngày nhận bài: 31/05/2022 Biên tập xong: 15/08/2022 Duyệt đăng: 20/08/2022